

**TOÀ ÁN NHÂN DÂN
HUYỆN G- TỈNH BẮC NINH**

**CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: 07/2020/HNGĐ- ST

Ngày 20 tháng 7 năm 2020

V/v Tranh chấp hôn nhân và gia đình

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TOÀ ÁN NHÂN DÂN HUYỆN G**

Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - chủ tọa phiên tòa: Bà Vũ Thị H

Các hội thẩm nhân dân: 1. Ông Nguyễn Tùng S

2. Bà Nguyễn Thị C

Thư ký phiên tòa: Ông Nguyễn Thế C –Thẩm tra viên.

Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện G, tỉnh Bắc Ninh tham gia phiên tòa: Bà Vũ Thị H– Kiểm sát viên.

Ngày 20 tháng 7 năm 2020, tại trụ sở Toà án nhân dân huyện G, tỉnh Bắc Ninh mở phiên tòa xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số 26/2020/TLST-HNGĐ ngày 10 tháng 3 năm 2020 về “Tranh chấp về hôn nhân và gia đình” theo quyết định đưa vụ án ra xét xử số 04/2020/QĐXXST- HNGĐ ngày 01 tháng 6 năm 2020 và quyết định hoãn phiên tòa số 03/2020/QĐST- HNGĐ ngày 23 tháng 6 năm 2020 giữa các đương sự:

1. Nguyên đơn: Anh Nguyễn Văn L, sinh năm 1977.

Địa chỉ: Thôn L, xã Q, huyện G, tỉnh Bắc Ninh. Vắng mặt.

2. Bị đơn: Chị Tiêu Thị H, sinh năm 1981.

Nơi ĐKKHKT và nơi cư trú cuối cùng: Thôn L, xã Q, huyện G, tỉnh Bắc Ninh. Vắng mặt.

NỘI DUNG VỤ ÁN

Theo đơn khởi kiện ngày 02/3/2020, bản tự khai, biên bản ghi lời khai nguyên đơn là anh Nguyễn Văn L trình bày: Anh kết hôn với chị Tiêu Thị H vào năm 2005 trên cơ sở tự nguyện tìm hiểu và được UBND xã Q đăng ký kết hôn theo quy định của pháp luật. Sau khi cưới anh chị về chung sống cùng nhau ngay, tình cảm vợ chồng ban đầu hoà thuận, hạnh phúc nhưng chỉ được một thời gian thì vợ chồng thường xuyên xảy ra mâu thuẫn, bất đồng quan điểm sống. Từ tháng 2 năm 2017 chị H tự ý bỏ nhà đi biệt tích từ đó đến nay, anh và gia đình nội ngoại hai bên đã áp dụng mọi biện pháp tìm kiếm nhưng vẫn không có tin tức gì về việc chị H còn sống hay đã chết. Do chị H đi biệt tích đã lâu, việc tìm kiếm không có kết quả nên anh đã có đơn yêu cầu Tòa án tuyên bố mất tích. Toà án nhân dân huyện G đã tuyên bố chị H mất tích bằng quyết định số 01/2020/QĐST- VDS ngày 13/01/2020. Anh xác định tình cảm với chị H không

còn, mục đích hôn nhân không đạt được và để ổn định cuộc sống anh đề nghị Tòa án G giải quyết cho anh được ly hôn với chị H.

Về con chung: Anh và chị H có 02 con chung là cháu Nguyễn Văn A, sinh ngày 17/7/2003 và cháu Nguyễn Minh T, sinh ngày 19/11/2010, hiện nay cả hai cháu đều ở với anh, do anh nuôi dưỡng, các cháu hoàn toàn khỏe mạnh, phát triển bình thường. Ly hôn, anh xin được tiếp tục nuôi dưỡng, chăm sóc, giáo dục cả hai con chung, cấp dưỡng nuôi con không yêu cầu giải quyết.

Về tài sản chung và công nợ: Vợ chồng không có tài sản chung và công nợ nên không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Quá trình giải quyết vụ án Tòa án đã tiến hành các thủ tục niêm yết các văn bản tố tụng của Tòa án theo đúng quy định pháp luật, đến thời điểm hiện tại vẫn không có tin tức gì về chị Tiêu Thị H.

Tại biên bản xác minh với UBND xã Q, biên bản lấy lời khai của bà Hoàng Thị X, mẹ đẻ chị Tiêu Thị H đều thể hiện nội dung: Anh L và chị H kết hôn với nhau vào năm 2005, trên cơ sở tự nguyện, có đăng ký kết hôn tại UBND xã Q, từ tháng 2 năm 2017 đến nay chị H bỏ đi biệt tích khỏi địa phương đến nay không có tin tức gì. Về con chung: Anh L, chị H có hai con chung là cháu Nguyễn Văn A, sinh ngày 17/7/2003 và cháu Nguyễn Minh T, sinh ngày 19/11/2010 hiện nay các cháu đều do anh L nuôi dưỡng. Quan điểm của UBND xã có quan điểm đề nghị Tòa án giải quyết đơn xin ly hôn của anh L theo quy định pháp luật. Quan điểm của bà X đề nghị Tòa án giải quyết cho anh L được ly hôn, con chung để anh L nuôi dưỡng.

Anh L vắng mặt tại phiên tòa và có đơn xin xét xử vắng mặt.

Tại phiên tòa Kiểm sát viên tham gia phiên tòa phát biểu về việc tuân theo pháp luật tố tụng trong quá trình giải quyết vụ án của Thẩm phán, Hội đồng xét xử là đúng, đủ theo quy định của pháp luật. Đối với việc chấp hành pháp luật của các đương sự trong quá trình giải quyết vụ án là đầy đủ, đúng pháp luật.

Về nội dung: Đại diện Viện kiểm sát đề nghị HĐXX áp dụng áp dụng Điều khoản 2 Điều 56; khoản 1 Điều 81, Điều 82, Điều 83 Luật hôn nhân và gia đình: Chấp nhận yêu cầu xin ly hôn của anh Nguyễn Văn L, giải quyết cho anh L được ly hôn với chị H. Về con chung: Giao cả hai con chung cho anh L nuôi dưỡng. Cấp dưỡng nuôi con không đặt ra. Về tài sản chung và công nợ: Không xem xét giải quyết.

Về án phí: Áp dụng Điều 147 Bộ luật tố tụng dân sự; Nghị quyết số 326 của Ủy ban thường vụ Quốc hội. Buộc anh Nguyễn Văn L phải chịu án phí theo quy định của pháp luật.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN

Về tố tụng: Chị Tiêu Thị H đã được Tòa án làm thủ tục niêm yết giấy triệu tập hợp lệ đến lần thứ hai mà vẫn vắng mặt không lý do. Anh L vắng mặt tại phiên tòa nhưng có đơn xin xét xử vắng mặt. Do vậy, Tòa án tiến hành xét xử vắng mặt bị đơn, nguyên đơn là phù hợp với Điều 227, 238 của Bộ luật tố tụng dân sự.

Về quan hệ hôn nhân: Anh Nguyễn Văn L và chị Tiêu Thị H kết hôn năm 2005. Trước khi cưới anh chị có được tự nguyện tìm hiểu và được UBND xã Q cấp giấy chứng nhận kết hôn theo quy định của pháp luật nên đây là hôn nhân hợp pháp. Sau ngày cưới anh chị về chung sống cùng nhau hoà thuận, hạnh phúc được một thời gian thì nảy sinh mâu thuẫn, bất đồng quan điểm sống. Đến tháng 2 năm 2017 chị H tự ý bỏ nhà đi từ đó đến nay. Gia đình và địa phương không có tin tức xác thực về việc chị H còn sống hay đã chết. Tháng 8 năm 2019, anh L có đơn yêu cầu Toà án G tuyên bố chị H mất tích. Ngày 13/01/2020 Toà án nhân dân huyện G đã tuyên bố chị H mất tích. Xét quan hệ hôn nhân và gia đình giữa anh Nguyễn Văn L và chị Tiêu Thị H ly thân đã lâu, mâu thuẫn vợ chồng là có thật, mục đích của hôn nhân không đạt được, chị H đã bị tuyên bố mất tích nên căn cứ vào khoản 2 Điều 68 Bộ luật dân sự và khoản 2 Điều 56 Luật Hôn nhân và gia đình năm 2014, Toà án chấp nhận đơn yêu cầu ly hôn của anh L là phù hợp.

Về con chung: Anh L, chị H có hai con chung là cháu Nguyễn Văn A, sinh ngày 17/7/2003 và cháu Nguyễn Minh T, sinh ngày 19/11/2010 từ khi chị H bỏ đi cả hai cháu vẫn do anh L nuôi dưỡng, các cháu hoàn toàn khỏe mạnh, phát triển bình thường. Quá trình giải quyết vụ án anh L xin được tiếp tục nuôi dưỡng con chung và không yêu cầu cấp dưỡng nuôi con nên giao cả hai con chung cho anh L nuôi dưỡng là phù hợp. Khi nào chị H trở về có yêu cầu thay đổi người trực tiếp nuôi con chung thì có quyền làm đơn khởi kiện tại Tòa án.

Về tài sản chung và công nợ: Anh L xác định vợ chồng không có tài sản chung. Hiện vợ chồng không nợ ai, không ai nợ vợ chồng nên không yêu cầu Toà án xem xét, giải quyết. Do vậy, Hội đồng xét xử không xem xét.

Về án phí: Nguyên đơn phải chịu theo quy định của pháp luật.

Xét ý kiến của Kiểm sát viên tham gia phiên tòa là có sơ sở nên chấp nhận.

Vì các lẽ trên

QUYẾT ĐỊNH

Áp dụng khoản 2 Điều 68 Bộ luật dân sự; khoản 2 Điều 56; Điều 58, 81, 82, 83 Luật hôn nhân và gia đình.

Xử: *Về quan hệ vợ chồng:* Anh Nguyễn Văn L được ly hôn chị Tiêu Thị H.

Về con chung: Giao con chung là cháu Nguyễn Văn A, sinh ngày 17/7/2003 và cháu Nguyễn Minh T, sinh ngày 19/11/2010 cho anh Nguyễn Văn L trực tiếp nuôi dưỡng, chăm sóc và giáo dục. Cấp dưỡng nuôi con không đặt ra với chị H. Chị H có quyền đi lại thăm nom con chung.

Về tài sản chung và công nợ: Không xem xét giải quyết.

Về án phí: Áp dụng Điều 147 Bộ luật tố tụng dân sự; Nghị quyết số 326 của Ủy ban thường vụ Quốc hội. Buộc anh Nguyễn Văn L phải chịu 300.000đ án phí DSST nhưng được trừ vào số tiền 300.000đ anh đã nộp tạm ứng án phí

theo biên lai thu tiền số AA/2015/0001783 ngày 10/3/2020 của chi cục Thi hành án dân sự huyện G.

Nguyên đơn, bị đơn vắng mặt được quyền kháng cáo bản án trong hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được tổng đạt án vắng mặt hoặc niêm yết bản án.

Nơi nhận:

- Tòa án tỉnh B;
- VKS và THADS huyện G;
- Những người tham gia tố tụng;
- Lưu hồ sơ, Văn phòng.

**T/M. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

Vũ Thị H